

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

*Bản án số: 166/2024/HSST
Ngày 28/11/2024*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Quốc Phòng, ông Nguyễn Xuân Tung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 161/2024/HSST ngày 12 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 đối với:

- Các bị cáo:

1/ Lê Đình N, sinh năm 1986, tên gọi khác: Không; nơi thường trú: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện nay: Thôn D, xã H, huyện Ý, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Đình L và bà Lê Thị L1; vợ: Nguyễn Thị T, con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 18/9/2024 đến ngày 27/9/2024 chuyển sang Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương; có mặt.

2/ Lê Đình C, sinh năm 1986, tên gọi khác: Không; nơi thường trú: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Đình T1 (đã chết) và bà Lê Thị Ồ (đã chết); vợ: Nguyễn Thị C1, con: Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 18/9/2024 đến ngày 27/9/2024 chuyển sang Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương; có mặt.

3/ Lê Văn T2, sinh năm 1987, tên gọi khác: Không; nơi thường trú: Thôn D, xã H, huyện Ý, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Lê Văn L2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3; vợ: Hoàng Thị H, con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm

giữ từ ngày 18/9/2024 đến ngày 27/9/2024 chuyển sang Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương; có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Quang P, sinh năm 1992, nơi cư trú: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Trịnh Văn K, sinh năm 1984, nơi cư trú: H, Y, Ý, Nam Định, có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989, nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện Ý, tỉnh Nam Định, có mặt.

+ Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1978, nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Ý, tỉnh Nam Định, vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Hữu T4; anh Nguyễn Văn T5; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình N làm nghề thu mua chó sống để bán lại cho các cơ sở giết mổ. Khoảng tháng 4/2024, do quen biết nhau nên N tư vấn cho anh Lê Quang P, công việc mở quán bán thịt chó sống và giết mổ chó bán cho các quán ăn. Anh P đồng ý rồi thuê địa điểm mở quán tại tổ dân phố S, phường Đ, thị xã D và bắt đầu nhập chó sống của N. Khoảng tháng 5/2024, N giới thiệu cho chú họ của mình là Lê Đình C đến làm việc và ở lại, trông coi quán cho anh P. Công việc của C là mang thịt chó sống trong lò mổ của anh P ra chợ Đ, thị xã D để bán. Do thấy C và anh P không có xe nên N đã cho C mượn chiếc xe máy nhãn hiệu VIET THAI, loại VT RSX, sơn màu ghi, loại xe 50 phân khối, biển kiểm soát 35AK - 057.86 để chở hàng. Quá trình làm ăn với nhau, anh P nợ N tổng số tiền hàng là 37.000.000 đồng, N đã nhiều lần đòi nhưng anh P chưa trả. Do vậy, N nảy sinh ý định lên quán của anh P lấy đồ đạc, tài sản của anh P mang về nhà mình để trừ nợ và mang chiếc xe máy biển kiểm soát 35AK - 057.86 về để cho con trai mình đi học. Chiều ngày 16/9/2024, N gọi điện cho C và nói “*Chú ơi, cháu mượn được xe thì tầm 10 giờ tối cháu lên lấy cái xe về cho cháu đi học*”, C nói “*Xe của cháu thì cháu cứ lấy về*”. Sau đó, N gọi điện cho Lê Văn T2 và nói “*Bạn ơi, tỳ tôi mượn xe, bạn đi cùng tôi lên chỗ chú C lấy xe về cho cháu đi học*”, T2 nói “*Ừ, tỳ bạn gọi thì tôi đi với bạn*”. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, N mượn được chiếc xe ô tô tải, biển kiểm soát 29C - 354.48 của anh Nguyễn Ngọc V (là hàng xóm của N) rồi điều khiển xe chở T2 đi lên quán của anh P tại tổ dân phố S, phường Đ, thị xã D. Khoảng 01 giờ ngày 17/9/2024, N và T2 lên đến quán của anh P, N gọi điện cho C dậy mở cửa. Sau đó, N đi vào trong quán dắt chiếc xe máy 35AK - 057.86 ra ngoài rồi nhờ T2 và C cùng mình bê lên thùng xe ô tô tải 29C - 354.48 để mang về. N quan sát trong quán của anh P có nhiều đồ vật, tài sản nên quyết định lấy tất cả mang về nhà mình để trừ tiền anh P đang nợ N. N nói với T2 “*Vợ tôi vừa mổ trên Hà Nội về mất gần trăm không có tiền, P nợ tôi gần 40 triệu đòi không trả, gọi điện không nghe máy, ông lấy hộ tôi cái tủ lạnh về để tôi trừ nợ*”, T2 hiểu ý N nhờ mình cùng lấy tài sản của anh P mang về cho N để trừ nợ nên đồng

ý và nói “Ừ”. Sau đó, N nói với C “*Chú ơi, P nó còn đang nợ tiền cháu, cháu cứ lấy ít đồ của nó lên xe mang về, có gì cháu điện cho nó anh em tính toán sau*”, C nói “*Chú đang ở đây, cháu lấy như vậy chú ngại, toàn con cháu cả*”, N nói “*P nợ tiền cháu không trả, vợ cháu thì mới mổ, cháu cũng không biết làm thế nào cả, cháu cứ lấy ít đồ về, em nó mà điện thì anh em cháu tính toán*”, “*Chú giúp cháu bê đồ lên xe để cháu chở về*”, hiểu ý N nhờ bê đồ lên thùng xe tải để N mang về, C đồng ý. Sau đó, N, T2 và C cùng bê 01 tủ cấp đông; 01 nồi cơm điện công nghiệp; 01 hộp nhựa màu xanh bên trong có 01 máy đục màu xanh và 01 máy khoan màu đỏ; 01 máy cắt màu xanh, đen; 01 giá kim loại, trên bề mặt giá được gắn 01 máy mô tô màu xanh và 01 máy hút, đẩy màu bạc, 01 cân đĩa loại 120kg; 03 bình gas màu xanh loại 12kg; 01 nồi kim loại màu trắng; 01 bàn kim loại màu trắng; 02 thớt gỗ; 01 xe rửa; 01 bếp gas đơn bằng kim loại lên thùng xe ô tô tải BKS 29C - 354.48. Sau khi bê xong, N nói với C “*Chú đi về cùng cháu*”. C đồng ý và thu dọn toàn bộ quần áo của mình rồi lên xe ô tô 29C - 354.48 do N điều khiển cùng T2 về nhà N tại thôn D, xã H, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Đến ngày 18/9/2024, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Lê Đình N, Lê Đình C và Lê Văn T2 đã đến Cơ quan Công an đầu thú và tự nguyện khai báo về hành vi của mình.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 tủ đông kháng khuẩn 02 ngăn màu trắng, kích thước (126x60x80)cm nhãn hiệu KANGARU, có nắp đẩy màu xanh đã qua sử dụng; 01 nồi cơm điện công nghiệp cao 30cm, đường kính 50cm, nhãn hiệu HAPPY MATE, thân nồi màu trắng có nắp kim loại màu bạc đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa màu xanh kích thước (46x30x10)cm, bên trong có 01 máy đục màu xanh nhãn hiệu MAKITA, 01 máy khoan màu đỏ nhãn hiệu MAKTEC đã qua sử dụng; 01 máy cắt màu xanh đen nhãn hiệu DONGVHEN DSM 180A, SIM-FF-180A, ANGLE GRENDER đã qua sử dụng; 01 giá kim loại, trên bề mặt được gắn 01 máy mô tô màu xanh nhãn hiệu điện cơ Toàn Phát và 01 máy hút, đẩy màu bạc nhãn hiệu NAKAWA gắn ống nhựa dài 20cm đã qua sử dụng; 01 cân đĩa 120kg, nhãn hiệu Nhon H1 có thân màu xanh, đĩa màu bạc đã qua sử dụng; 01 bình ga màu xanh nhãn hiệu HIROSHIMA loại 12kg đã qua sử dụng; 02 bình ga màu xanh nhãn hiệu ASIA PETRO loại 12kg đã qua sử dụng; 01 nồi kim loại màu trắng có nắp, cao 32cm, đường kính 41,5cm đã qua sử dụng; 01 bàn kim loại màu trắng dài 120cm, rộng 70cm, cao 45cm đã qua sử dụng; 02 thớt gỗ, 01 chiếc đường kính 43cm, cao 10cm; 01 chiếc đường kính 38cm cao 05cm, xung quanh có đai kim loại màu trắng; 01 xe đẩy loại xe 01 bánh (xe rửa) đã qua sử dụng; 01 bếp ga đơn bằng kim loại đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐ ngày 24/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã D kết luận: Tủ đông kháng khuẩn có giá 3.500.000 đồng; Nồi cơm điện công nghiệp có giá 500.000 đồng; Hộp nhựa màu xanh bên trong hộp có 01 máy đục màu xanh, Máy khoan màu đỏ có giá 1.500.000 đồng; Máy cắt màu xanh đen có giá 1.000.000 đồng; Giá kim loại trên bề mặt giá được gắn 01 máy mô tô màu xanh có giá 500.000 đồng; Cân đĩa loại 120kg có giá 100.000 đồng; 03 bình ga có giá 400.000 đồng; Nồi kim loại màu trắng có giá 50.000 đồng; Bàn kim loại màu trắng có giá 50.000 đồng; 02 thớt gỗ có giá 50.000 đồng; Xe đẩy loại xe 1 bánh (xe rửa) có giá 100.000 đồng; Bếp ga đơn bằng kim loại có giá 30.000 đồng. Tổng cộng là 7.780.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đã xác định được toàn bộ số tài sản mà Lê Đình N cùng đồng bọn chiếm đoạt ngày 17/9/2024 gồm 01 tủ đông kháng khuẩn; 01 nồi cơm điện công nghiệp; 01 hộp nhựa màu xanh bên trong hộp có 01 máy đục màu xanh, 01 máy khoan màu đỏ; 01 máy cắt màu xanh đen; 01 giá kim loại trên bề mặt giá được gắn 01 máy mô to màu xanh; 01 cân đĩa loại 120kg; 03 bình ga; 01 nồi kim loại màu trắng; 01 bàn kim loại màu trắng; 02 thớt gỗ; 01 xe đẩy loại xe 1 bánh (xe rùa); 01 bếp ga đơn bằng kim loại là tài sản hợp pháp của Lê Quang P nên cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho anh P.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Quang P đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Cáo trạng số 164/CT-VKS - DT ngày 11/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 58, 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Xử phạt: Lê Đình N từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; Lê Đình C, Lê Văn T2 mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đưa ra quan điểm về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự và án phí của vụ án.

Trong phần tranh luận: Các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt và không có ý kiến tranh luận gì.

Anh Trịnh Văn K, chị Nguyễn Thị T không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, tính chất mức độ tội phạm: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Do trước đó Lê Đình N nhiều lần đòi anh Lê Quang P trả nợ 37.000.000 đồng nhưng anh P chưa trả nên khoảng 01 giờ ngày 17/9/2024, tại quán bán thịt chó của anh P ở tổ dân phố S, phường Đ, thị xã D, lợi dụng lúc anh P không có ở quán, Lê Đình N rủ Lê Đình C và Lê Văn T2 lấy trộm các tài sản của anh P gồm 01 tủ cấp đông; 01 nồi cơm điện công nghiệp; 01 hộp nhựa màu xanh bên trong có 01 máy

đục màu xanh và 01 máy khoan màu đỏ; 01 máy cắt màu xanh, đen; 01 giá kim loại, trên bề mặt giá được gắn 01 máy mô tơ màu xanh và 01 máy hút, đẩy màu bạc, 01 cân đĩa loại 120kg; 03 bình gas màu xanh loại 12kg; 01 nồi kim loại màu trắng; 01 bàn kim loại màu trắng; 02 thớt gỗ; 01 xe rửa; 01 bếp gas đơn bằng kim loại, có tổng trị giá là 7.780.000 đồng cho lên xe ô tô tải biển kiểm soát 29C - 354.48 chở về nhà N để trừ nợ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác, đồng thời ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm, hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò: Trong vụ án này, bị cáo Lê Đình N là người khởi xướng, thực hiện tội phạm tích cực nên giữ vai trò đầu vụ; các bị cáo Lê Đình C và Lê Văn T2 đồng phạm với vai trò giúp sức.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã chủ động ra đầu thú; bị cáo Lê Đình N có đơn trình bày có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ nhận định trên, xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng vì thế xét không cần phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, xã hội tạo điều kiện cho các bị cáo cải sửa mình. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về các hành vi khác: Đối với anh Nguyễn Ngọc V là người cho Lê Đình N mượn xe ô tô tải, biển kiểm soát 29C - 354.48. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã D xác định chiếc xe ô tô trên là tài sản hợp pháp của anh V. Tuy nhiên, anh V không bàn bạc thống nhất với N, không biết việc N mượn xe 29C - 354.48 để sử dụng vào việc phạm tội. Sau khi sự việc xảy ra Lê Đình N đã trả lại chiếc xe ô tô trên cho anh V trước khi ra đầu thú nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý đối với anh V và thu giữ chiếc xe ô tô trên là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tài sản nay không có yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án: Đã giải quyết xong tại giai đoạn điều tra nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Đình N, Lê Đình C và Lê Văn T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

+ Lê Đình N 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/11/2024).

+ Lê Đình C 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/11/2024).

+ Lê Văn T2 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 28/11/2024).

Giao các bị cáo Lê Đình N, Lê Văn T2 cho UBND xã H, huyện Ý, Nam Định; giao bị cáo Lê Đình C cho UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội các bị cáo Lê Đình N, Lê Đình C, Lê Văn T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan CSĐT Công an TX Duy Tiên;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Cơ quan THAHS Công an TX Duy Tiên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo; đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Tươi

[6] Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Exciter BKS 35N1 - 284.70 và giấy tờ của xe trị giá 18.000.000đ bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Đức Toàn vì vậy cần tịch thu một phần hai giá trị của xe; trả lại chị Nguyễn Thị Yến một phần hai trị giá của xe mô tô. Đối với: 01 điện thoại Iphone 7 bị cáo sử dụng liên lạc mua pháo cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với: 01 thùng xốp bên trong có 6,4kg pháo hoàn trả sau giám định cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 191; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Toàn phạm tội: *“Tàng trữ hàng cấm”*.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Toàn 08 (tám) tháng tù, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 13/01/2021 đến ngày 21/01/2021). Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại Iphone 7; ½ trị giá xe mô tô Exciter BKS 35N1 - 284.70 và đăng ký của xe (tương đương 9.000.000đ).

Tịch thu cho tiêu hủy: 01 thùng xốp bên trong có 6,4kg pháo hoàn trả sau giám định.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Yến: ½ trị giá xe mô tô Exciter BKS 35N1 - 284.70 và đăng ký của xe (tương đương 9.000.000đ)

(Đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận giữa cơ quan điều tra Công an thị xã Duy Tiên và Chi cục thi hành án thị xã Duy Tiên)